

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

I. Thông tin chung:

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: **Công Ty Cổ Phần SUMOTOR.**
- 1.2. Địa chỉ: Đường TS 12 , KCN Tiên Sơn , Xã Hoàn Sơn , Huyện Tiên Du , Tỉnh Bắc Ninh.
- 1.3. Loại phương tiện: ~~xe mô tô 2 bánh/xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác: ⁽¹⁾
- 1.4. Nhãn hiệu: HALIM
- 1.5. Tên thương mại:
- 1.6. Mã kiểu loại (số loại): 50W1
- 1.7. Số giấy chứng nhận: ⁽²⁾ 0095/VAQ06-01/20-00.
- 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3537 /NETC-M/20/C ; ngày: 12/06/2020

2. Thông số kỹ thuật của xe:

- 2.1. Khối lượng bản thân: 90kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 235 kg
- 2.3. Động cơ.
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: HALIM VZS139FMB-60 ; Loại động cơ: Xăng , 4 kỳ, 1 xi lanh , làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 49,5 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/ số vòng quay: 2,1 kW/ 7500 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: chế hòa khí/ ~~phun nhiên liệu~~/ khác: ⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: cơ khí/ ~~tự động~~ ⁽⁴⁾.
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền : 04
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,272/ 1,938/ 1,611/ 1,350.
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,15
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/100-17; áp suất: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 80/90-17; áp suất: 225 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 48 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu:



3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/... (1)

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,154 l/100 km

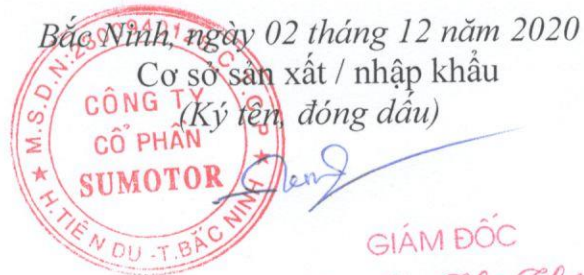
4. Mẫu nhãn năng lượng công khai:

Kích thước : 50x70 (mm)

NHÃN NĂNG LƯỢNG	
1,154 Lít/100km	
Số BCTN : 3537/NETC-M/20/C	
NHÃN HIỆU : HALIM	
Số loại : 50W1	
NHÀ SẢN XUẤT : CÔNG TY CỔ PHẦN SUMOTOR	
DUNG TÍCH XY LANH : 49.5 cm ³	
QUY CHUẨN ÁP DỤNG : QCVN 04 : 2009/BGTVT	
CHU TRÌNH THỬ : TCVN 7358 : 2010	
<i>Ghi chú : Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng , kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	

5. Ghi chú (nếu có):

Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng , kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Châm

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại;

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm.